



## QUY ĐỊNH ĐÓNG BÓ ỐNG - PXC

### 1. MỤC ĐÍCH:

Quy định đóng bó ống – PX Cán nhằm thực hiện việc đóng bó sản phẩm cán ống đảm bảo đúng quy định, phục vụ xuất khẩu và cung cấp nội địa.

### 2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

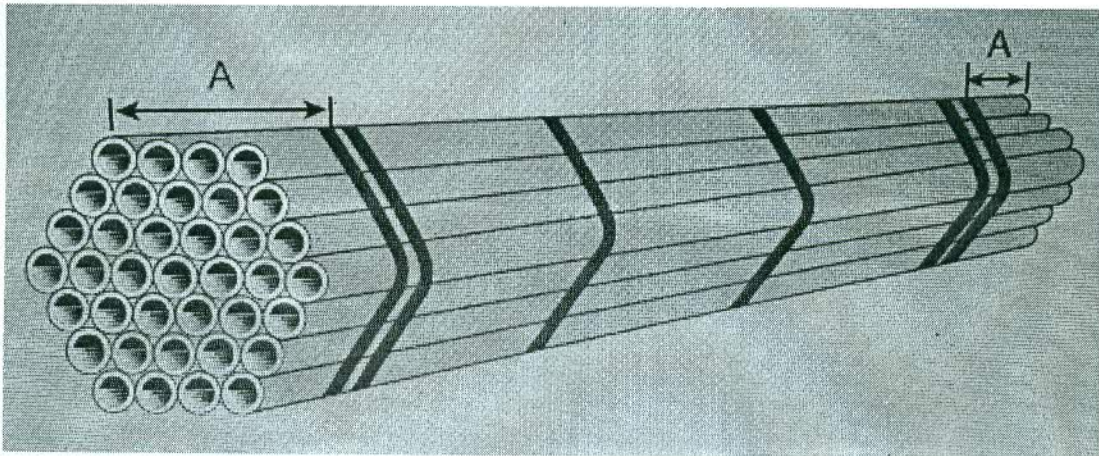
Áp dụng cho việc đóng bó sản phẩm ống – PX Cán.

### 3. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Tiêu chuẩn ống thép mạ kẽm: BS 1387-1985
- Quy cách đóng bó

### 4. THỰC HIỆN:

#### 4.1. Quy cách đai bó:



#### a. Đai bó trên bó ống:

- Chiều dài bó ống: 6 m
- Buộc 01 đai/mỗi đầu bó ống; khoảng cách  $A = 400$  mm
- Buộc 02 đai/mỗi đầu bó ống theo yêu cầu của khách hàng; khoảng cách  $A = 400$ mm; khoảng cách giữa hai cạnh trong của đai là 100mm
- Khoảng cách giữa các đai ở giữa bó ống được phân bố bằng nhau.
- Số đai trên mỗi bó ống tùy thuộc vào chiều dài ống, độ dày thành ống và trọng lượng bó theo bảng quy cách đóng bó dưới đây:





CÔNG TY CP VINGAL  
PHÒNG KỸ THUẬT - VẬT TƯ

**QUY ĐỊNH ĐÓNG BÓ ỚNG - PXC**

Mã số:KT/QĐBO-01  
Lần ban hành:  
Hiệu lực: 01/03/2016  
Số trang: 3/ 7

**Bảng quy cách đóng bó:**

TT	TÊN SẢN PHẨM	SIZE	QUY CÁCH ĐÓNG BÓ		Số dây đai	GHI CHÚ
			(Số cây/bó)	Hình dạng		
1	DN10 x T x L	Ø 17.3	217	Lục giác 9-17	4	
2	OD19 x T x L	Ø 19.1	217	Lục giác 9-17	4	
3	OD22 x T x L	Ø 22.2	217	Lục giác 9-17	4	
4	DN15 x T x L	Ø 21.2	217	Lục giác 9-17	4	
5	DN20 x T x L	Ø 26.5	127	Lục giác 7-13	4	
6	DN25 x T x L	Ø 33.5	91	Lục giác 6-11	4	
7	OD32 x T x L	Ø 31.8	91	Lục giác 6-11	4	
8	DN32 x T x L	Ø 42.2	61	Lục giác 5-9	4	
9	OD38 x T x L	Ø 38.1	61	Lục giác 5-9	4	
10	DN40 x T x L	Ø 48.3	61	Lục giác 5-9	4	
11	DN50 x T x L	Ø 60.3	37	Lục giác 4-7	4	
12	OD54 x T x L	Ø 54.0	37	Lục giác 4-7	4	
13	OD65 x T x L	Ø 65.0	37	Lục giác 4-7	4	
14	DN65 x T x L	Ø 76.0	37	Lục giác 4-7	4	
15	DN80 x T x L	Ø 88.7	19	Lục giác 3-5	4	
16	DN100 x T x L	Ø 114	19	Lục giác 3-5	4	
17	SHS20 x T x L	20x20	225	Vuông 15-15	4	
18	SHS25 x T x L	25x25	144	Vuông 12-12	4	
19	SHS30 x T x L	30x30	100	Vuông 10-10	4	
20	SHS40 x T x L	40x40	64	Vuông 8-8	3	
21	SHS50 x T x L	50x50	49	Vuông 7-7	3	
22	RHS20 x T x L	20x40	128	Vuông 8-16	4	
23	RHS25 x T x L	25x50	98	Vuông 7-14	4	
24	RHS30 x T x L	30x60	72	Vuông 6-12	3	
25	RHS40 x T x L	40x80	50	Vuông 5-10	3	
26	RHS50 x T x L	50x100	32	Vuông 4-8	3	

b. Khóa đai: sử dụng khóa đai in logo của Công ty Vingal.

c. Etiket: loại tôn mỏng 0,3 mm, có rãnh buộc đai ở hai đầu.

	<b>CÔNG TY CP SXSP MẠ CN VINGAL</b> Số 4, đường 2A KCN Biên Hòa II Đồng Nai ĐT: 061.3836661 Fax: 061.3836726
<b>ỚNG THÉP MẠ</b>	
Kích thước: DN40 Dày: 2.5 Dài: 6000mm	
Tiêu chuẩn: BS 1387-1985/ Lô:	
Số lượng: 61 ống/ Bó Ngày SX:	
Người kiểm tra:	





**4.2. Việc in nhân, mác trên ống thép đen:** thực hiện theo yêu cầu của khách hàng

**4.3. Việc in nhân mác trên ống thép mạ kẽm:** thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

**4.4. Sơn vạch trên đầu ống thép mạ kẽm:**

Theo tiêu chuẩn BS 1387-1985 bắt buộc sơn trên đầu ống thép mạ kẽm theo quy định như sau: ống siêu nhẹ ống - không sơn vạch màu; ống hạng nhẹ - màu nâu; ống hạng trung bình - màu xanh; ống hạng nặng - màu đỏ.

Trường hợp buộc 01 đai/mỗi đầu bó ống: sơn vạch tròn liền, rộng 30 mm trên 01 đầu ống với khoảng cách tính từ đầu ống 200 mm;

Trường hợp buộc 02 đai/mỗi đầu bó ống: sơn vạch tròn liền, rộng 30 mm trên 01 đầu ống nằm ở giữa 02 đai.

**Các cấp độ ống (tiêu chuẩn BS hiện nay có 4 cấp độ):**

**Class A1 (siêu nhẹ) - không sơn vạch màu**

Đường kính danh nghĩa	Đường kính ngoài		Chiều dày thành	Chiều dài	Trọng lượng
	Dmax	Dmin			
	(mm)	(mm)	(mm)	(m)	(kg/m)
1/2 15	21.4	21	1.9	6	0.904
3/4 20	26.9	26.4	2.1	6	1.275
1 25	33.8	33.2	2.3	6	1.770
1 1/4 32	42.5	41.9	2.3	6	2.263
1 1/2 40	48.4	47.8	2.5	6	2.811
2 50	60.2	59.6	2.6	6	3.674
2 1/2 65	76	75.2	2.9	6	5.199
3 80	88.7	87.9	2.9	6	6.107
4 100	113.9	113	3.2	6	8.704



CÔNG TY CP VINGAL  
PHÒNG KỸ THUẬT - VẬT TƯ

Mã số:KT/QĐBO-01  
Lần ban hành:  
Hiệu lực: 01/03/2016  
Số trang: 5/ 7

**QUY ĐỊNH ĐÓNG BÓ ỚNG - PXC**

**Class L (nhẹ) - sơn vạch màu nâu**

Đường kính danh nghĩa	Đường kính ngoài		Chiều dày thành	Chiều dài	Trọng lượng	
	Dmax	Dmin				
	(mm)	(mm)	(mm)	(m)	(kg/m)	
1/2	15	21.4	21	2	6	0.95
3/4	20	26.9	26.4	2.3	6	1.38
1	25	33.8	33.2	2.6	6	1.98
1 1/4	32	42.5	41.9	2.6	6	2.54
1 1/2	40	48.4	47.8	2.9	6	3.23
2	50	60.2	59.6	2.9	6	4.08
2 1/2	65	76	75.2	3.2	6	5.71
3	80	88.7	87.9	3.2	6	6.72
4	100	113.9	113	3.6	6	9.75

**Class M (trung bình) - sơn vạch màu xanh**

Đường kính danh nghĩa	Đường kính ngoài		Chiều dày thành	Chiều dài	Trọng lượng	
	Dmax	Dmax				
	(mm)	(mm)	(mm)	(m)	(kg/m)	
1/2	15	21.7	21.1	2.6	6	1.21
3/4	20	27.2	26.6	2.6	6	1.56
1	25	34.2	33.4	3.2	6	2.41
1 1/4	32	42.9	42.1	3.2	6	3.1
1 1/2	40	48.8	48	3.2	6	3.57

VINGAL  
**BẢN GỐC**  
Ngày... 04... 05... 2016...





CÔNG TY CP VINGAL  
PHÒNG KỸ THUẬT - VẬT TƯ

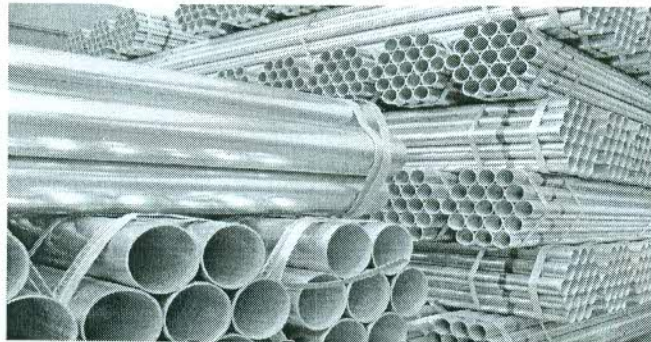
Mã số:KT/QĐBO-01  
Lần ban hành:  
Hiệu lực: 01/03/2016  
Số trang: 6/ 7

### QUY ĐỊNH ĐÓNG BÓ ỚNG - PXC

2	50	60.8	59.8	3.6	6	5.03
2 1/2	65	76.6	75.4	3.6	6	6.43
3	80	89.5	88.1	4	6	8.37
4	100	114.9	113.3	4.5	6	12.2

### Class H (nặng) - sơn vạch màu đỏ

Đường kính danh nghĩa		Đường kính ngoài		Chiều dày thành	Chiều dài	Trọng lượng
		Dmax	Dmax			
		(mm)	(mm)	(mm)	(m)	(kg/m)
1/2	15	21.7	21.1	3.2	6	1.44
3/4	20	27.2	26.6	3.2	6	1.87
1	25	34.2	33.4	4	6	2.94
1 1/4	32	42.9	42.1	4	6	3.8
1 1/2	40	48.8	48	4	6	4.38
2	50	60.8	59.8	4.5	6	6.19
2 1/2	65	76.6	75.4	4.5	6	7.93
3	80	89.5	88.1	5	6	10.3
4	100	114.9	113.3	5.4	6	14.5



VINGAL  
**BẢN GỐC**  
Ngày....01.../...03.../2016...

31000  
CÔNG TY  
PHÂN  
SẢN PHẨM  
CÔNG NGHỆ  
VINGAL  
1-T.Đ.Đ.



CÔNG TY CP VINGAL  
PHÒNG KỸ THUẬT – VẬT TƯ

Mã số:KT/QĐBO-01  
Lần ban hành:  
Hiệu lực: 01/03/2016  
Số trang: 7/ 7

**QUY ĐỊNH ĐÓNG BÓ ỒNG - PXC**

**5. TRÁCH NHIỆM:**

**5.1. Trách nhiệm và nhiệm vụ của P. KD:**

- Nắm vững yêu cầu khách hàng về nhu cầu đóng bó và giới thiệu, cung cấp thông tin đóng bó đến khách hàng và cùng phối hợp P. KTVT kiểm tra các đơn vị sản xuất thực hiện đóng bó; cũng như kiến nghị điều chỉnh quy định này nhằm tăng tính cạnh tranh sản phẩm Vingal đáp ứng nhu cầu khách hàng.

**5.2. Trách nhiệm và nhiệm vụ của PX Cán:**

- Tổ chức đóng bó ống theo quy định;
- Phải điền đầy đủ các thông tin trên etiket; sơn trên đầu ống theo quy định.

**5.3. Trách nhiệm và nhiệm vụ của P. KTVT:**

- Cử người theo dõi, kiểm tra chất lượng đóng bó ống theo đúng quy định;
- Phối hợp với phân xưởng Cán lập biên bản nghiệm thu trước khi xuất hàng.

